TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 04-5-2020
V/v Ly hôn
.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm*** **có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cẩm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ái Hòa;

Ông Ngô Minh Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa**:** Ông Nguyễn Văn Thướng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 710/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXX-ST ngày 24 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Đặng Văn H, sinh năm 1977, có đơn xin vắng mặt.
- *Bị đơn*: Chị Võ Thị Ngọc L, sinh năm 1979, có đơn xin vắng mặt.

Các đương sự cùng cư trú tại: Ấp TT, xã HT, huyện TB (nay là thị xã TB), tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 10 năm 2019 và bản tự khai - nguyên đơn anh Đặng Văn H trình bày:

Anh và chị Võ Thị Ngọc L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Sau khi cưới, vợ chồng sống tại ấp TT, xã HT, huyện TB (nay là thị xã TB), tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng đều làm công nhân. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng tính

tình không hợp nhau. Do đó, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đặng Nhật H, sinh ngày 20-9-2001, hiện đang sống với chị L.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Nay anh yêu cầu ly hôn với chị L. Về con chung: đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Võ Thị Ngọc L trình bày:

Chị xác nhận chị và anh H chung sống vào năm 1999, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn. Vợ chồng có 01 con chung; tài sản chung: 01 căn nhà tường cấp 4 xây trên phần đất của cha mẹ chồng. Nợ chung không có. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác.

Nay chị đồng ý ly hôn với anh H. Về con chung: đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H đối với chị L.

Về con chung: Đặng Nhật H, sinh ngày 20-9-2001, đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh H, chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H, chị L là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh H và chị L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian sống chung, anh H và chị

L phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do mất lòng tin lẫn nhau. Vợ chồng tự sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Nay anh H yêu cầu ly hôn thì chị L đồng ý. Do đó, xét tình trạng vợ chồng giữa anh H và chị L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H.

[3] Về con chung: tên Đặng Nhật H, sinh ngày 20-9-2001, đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Xét ý kiến của Kiểm sát viên có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đặng Văn H và chị Võ Thị Ngọc L.

Anh Đặng Văn H được ly hôn với chị Võ Thị Ngọc L.

2. Về con chung: tên Đặng Nhật H, sinh ngày 20-9-2001, đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Đặng Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0017700 ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng; anh H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TX.Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX.Trảng Bàng;
- UBND xã ĐT;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Cẩm